

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

MST: 0101809894

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2023

Báo cáo gồm có:

- Bảng cân đối kế toán
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Số 02 phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2023 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		195,800,643,021	223,181,290,449
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1,958,467,618	2,984,734,360
1. Tiền	111		1,958,467,618	2,984,734,360
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,900,210,000	9,150,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1,900,210,000	9,150,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103,103,907,068	128,646,554,520
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	92,100,135,577	100,760,722,807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8,310,672,315	13,553,981,570
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2,394,300,000	13,843,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1,492,197,085	1,794,248,052
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1,193,397,909)	(1,305,397,909)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		87,649,237,948	78,683,774,189
1. Hàng tồn kho	141	V.8	87,649,237,948	78,683,774,189
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,188,820,387	3,716,227,380
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	292,984,594	398,897,564
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.10	895,835,793	3,317,329,816
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

áo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Số 02 phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2023 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26,576,981,706	28,866,562,618
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		24,876,569,424	27,708,059,984
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	24,876,569,424	27,708,059,984
Nguyên giá	222		38,922,235,087	39,389,695,087
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14,045,665,663)	(11,681,635,103)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		159,181,000	159,181,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(159,181,000)	(159,181,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,700,412,282	1,158,502,634
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1,700,412,282	1,158,502,634
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		222,377,624,727	252,047,853,067

áo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Số 02 phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2023 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		83,786,289,969	130,899,389,701
I. Nợ ngắn hạn	310		77,644,039,005	119,630,138,737
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	20,896,204,191	20,514,098,329
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	884,594,057	1,365,800,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4,681,097,430	1,823,812,883
4. Phải trả người lao động	314	V.16	1,986,286,056	2,030,767,542
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	145,895,935	141,624,295
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	553,581,817	607,014,094
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	46,894,021,520	91,718,769,971
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	267,363,054	267,363,054
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1,334,994,945	1,160,888,569
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6,142,250,964	11,269,250,964
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	5,165,000,000	10,292,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.23	977,250,964	977,250,964
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Số 02 phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2023 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		138,591,334,758	121,148,463,366
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	138,591,334,758	121,148,463,366
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115,025,160,000	95,855,110,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115,025,160,000	95,855,110,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4,049,066,214	3,656,853,462
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19,517,108,544	21,636,499,904
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,722,130,776	2,025,862,301
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17,794,977,768	19,610,637,603
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		222,377,624,727	252,047,853,067

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trịnh Thị Kim Anh

Nguyễn Bá Thị Hợp

Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Số 02 phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2023 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV Năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm nay		Đơn vị tính: VND	
					Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	49,546,987,097	81,162,232,411	184,975,558,124	265,759,808,932
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		162,903,625	1,247,262,580	218,846,174	2,006,883,482
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		49,384,083,472	79,914,969,831	184,756,711,950	263,752,925,450
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	34,883,416,359	66,156,495,273	147,023,119,751	225,140,721,241
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14,500,667,113	13,758,474,558	37,733,592,199	38,612,204,209
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	100,766,639	561,913,166	825,196,061	1,491,854,349
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,176,957,629	1,927,927,519	5,895,669,416	5,409,145,608
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,142,884,897	1,819,822,243	5,809,423,225	5,208,062,591
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1,199,511,680	2,251,401,056	5,129,266,729	4,966,078,832
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1,917,741,675	2,957,704,684	8,702,236,136	10,256,312,331
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10,307,222,768	7,183,354,465	18,831,615,979	19,472,521,787
11. Thu nhập khác	31	VI.7	516,690,689	1,532,742,202	3,800,770,999	5,105,892,379
12. Chi phí khác	32	VI.8	92,031	184,243	235,806,765	34,588,137
13. Lợi nhuận khác	40		516,598,658	1,532,557,959	3,564,964,234	5,071,304,242
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10,823,821,426	8,715,912,424	22,396,580,213	24,543,826,029
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,169,173,320	1,756,458,706	4,601,602,445	4,933,188,426
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8,654,648,106	6,959,453,718	17,794,977,768	19,610,637,603

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Trinh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hiệp

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Số 02 phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2023 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2023 Đến ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		166 208 915 840	194 554 251 566
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(108 940 224 874)	(193 399 318 661)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12 328 149 050)	(13 618 555 191)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(5 645 377 290)	(4 501 287 012)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1 824 712 940)	(5 325 760 925)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2 297 402 810	2 908 913 571
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9 593 627 583)	(21 935 058 294)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30 174 226 913	(41 316 814 946)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			20 000 000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1 900 210 000)	(15 425 000 000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20 598 699 999	10 900 000 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		52 764 805	39 746 366
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		18 751 254 804	(4 465 253 634)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		104 374 097 551	161 404 234 277
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(154 325 846 010)	(114 831 178 877)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(49 951 748 459)	46 573 055 400
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		(1 026 266 742)	790 986 820
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2 984 734 360	2 193 747 540
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70		1 958 467 618	2 984 734 360

Ngày 18 Tháng 01 Năm 2024

Người lập biểu

Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Số 02 Phố Thanh Lâm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Quý IV/2023)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các thiết bị năng lượng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 81 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 113 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc vào ngày 31/12/2023

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là “Chương trình phần mềm máy tính”. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	124,389,198	56,813,908
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1,834,078,420	2,927,920,452
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	<u>1,958,467,618</u>	<u>2,984,734,360</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1,900,210,000</i>	<i>9,150,000,000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	1,900,210,000	9,150,000,000
Trái phiếu		
Các khoản đầu tư khác		
<i>Dài hạn</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn		
Trái phiếu		
Các khoản đầu tư khác		
Cộng	<u>1,900,210,000</u>	<u>9,150,000,000</u>

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>67,991,604,687</i>	<i>93,825,106,007</i>
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)	151 427 004	19 360 188
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	587 002 146	1 747 226 020
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	47 640 471 973	68 382 192 925
Công ty TNHH Một thành viên Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai	72 073 390	
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	885 484 025	982 105 233
Công ty TNHH MTV KD và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	16 971 000 341	18 170 534 626
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung	371 270 628	333 118 052
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	1 312 875 180	4 190 568 963
...		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>24,108,530,890</i>	<i>6,935,616,800</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sĩ	1 782 576 319	1 678 429 674
Công ty TNHH Xe máy Xe điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng	7 169 701 643	3 091 568 125
Công ty TNHH Thương Mại và đầu tư phát triển Thiên Phú	7 141 332 302	
Công ty TNHH Kinh Doanh Tổng Hợp Đại An	6 686 164 000	
Các khách hàng khác	1 328 756 626	2,165,619,001
Cộng	<u>92,100,135,577</u>	<u>100,760,722,807</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	8,310,672,315	13,553,981,570
Công ty cổ phần thương mại quốc tế Phú Sĩ	-	2,470,854,706
NANNING GAOLI INDUSTRIAL AND TRADING CO., LTD	-	2,673,892,255
GUANGXI QINBAO INTERNATIONAL TRADE CO.,LTD	2,503,726,028	-
Wuxi Ecooter Technology Co., Ltd	1,461,338,923	1,477,490,734
Aima Sport (Tianjin) Co., Ltd	3,465,012,975	2,877,713,012
Chongqing Charming Motorcycle Manufacture Co., LTD	262,060,265	2,827,528,380
HAINING FU JIANG IMP&EXP CO.,LTD	127,965,637	-
TIANJIN AIMA MANUFACTURING & TECHNOLOGY CO., LTD	-	-
Công ty cao su Kenda (Việt Nam)	-	848,880,000
Các nhà cung cấp khác	490,568,487	377,622,483
Cộng	8,310,672,315	13,553,981,570

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	-	5,000,000,000
Cho Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh vay với lãi suất 7%/năm		5,000,000,000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2,394,300,000	8,843,000,000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sĩ	1,968,000,000	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm		
Ông Đinh Đức Tuấn	426,300,000	8,843,000,000
Cộng	2,394,300,000	13,843,000,000

6. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan			52,390,230	
			52,390,230	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1,492,197,085	-1,072,000,000	1,741,857,822	-1,072,000,000
Tạm ứng	345,213,525		493,798,055	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,123,983,560	-1,072,000,000	1,248,059,767	-1,072,000,000
Ông Kiều Thanh Phong	536,000,000	-536,000,000	536,000,000	-536,000,000
Ông Nguyễn Văn Thảo	536,000,000	-536,000,000	536,000,000	-536,000,000
Cá nhân khác	51,983,560		176,059,767	
Cộng	1,492,197,085	-1,072,000,000	1,794,248,052	-1,072,000,000

7. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan				
...				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
...				
Các khoản phải thu dài hạn khác				
Cộng				

8. Nợ xấu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm/kỳ		Số cuối năm/kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	1,193,397,909	-	1,305,397,909	-
Ông Hoàng trọng Thủy	121,397,909		171,397,909	
Ông Kiều Thanh Phong	536,000,000		536,000,000	
Ông Nguyễn Văn Tháo	536,000,000		536,000,000	
Các đối tác doanh nghiệp			62,000,000	
Cộng	1,193,397,909	-	1,305,397,909	-

9. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Tiền		
Hàng tồn kho		
Tài sản cố định		
Tài sản khác		
Cộng	-	-

10. Hàng tồn kho

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	568,249,752		2,141,196,634	
Nguyên liệu, vật liệu	56,973,976,873		45,327,045,287	
Công cụ, dụng cụ	557,006,227		562,932,659	
Bao bì luân chuyển	44,818,564			
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	340,111,037		559,889,168	
Thành phẩm	22,645,432,941		20,874,190,296	
Hàng hóa	6,519,642,554		9,218,520,145	
Hàng gửi đi bán				
Hàng hóa kho bảo thuế				
Cộng	87,649,237,948		78,683,774,189	

11. Chi phí trả trước**11a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	77,331,070	70,965,586
Công cụ dụng cụ	165,988,354	91,172,342
Chi phí quảng cáo	16,041,665	
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng		
Chi phí sửa chữa	6,956,839	102,240,000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	26,666,666	134,519,636
Cộng	292,984,594	398,897,564

11b. Chi phí trả trước dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	411,066,946	692,305,731
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng		
Sửa chữa cải tạo máy móc, thiết bị văn phòng, nhà xưởng	285,429,080	342,782,795
Chi phí quảng cáo	982,941,417	
Chi phí trả trước dài hạn khác	20,974,839	123,414,108
Cộng	<u>1,700,412,282</u>	<u>1,158,502,634</u>

12. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	1,100,281,195	36,093,063,591	1,996,080,471	200,269,830	39,389,695,087
Mua trong năm/kỳ					
Đầu tư XDCB hoàn thành					
Tặng khác					
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán		-170,000,000	-297,460,000		-467,460,000
Giảm khác					
Số cuối năm/kỳ	<u>1,100,281,195</u>	<u>35,923,063,591</u>	<u>1,698,620,471</u>	<u>200,269,830</u>	<u>38,922,235,087</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-23,661,961	-10,699,742,070	-837,210,296	-121,020,776	-11,681,635,103
Khấu hao trong năm/kỳ	-110,028,120	-2,305,035,394	-291,460,364	-49,540,262	-2,756,064,140
Tặng khác					
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán		132,788,920	259,244,660		392,033,580
Giảm khác					
Số cuối năm/kỳ	<u>-133,690,081</u>	<u>-12,871,988,544</u>	<u>-869,426,000</u>	<u>-170,561,038</u>	<u>-14,045,665,663</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1,076,619,234	25,393,321,521	1,158,870,175	79,249,054	27,708,059,984
Số cuối năm/kỳ	<u>1,233,971,276</u>	<u>23,051,075,047</u>	<u>829,194,471</u>	<u>29,708,792</u>	<u>24,876,569,424</u>

13. Tài sản cố định vô hình

	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>TSCĐ vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	102,285,000	56,896,000	159,181,000
Mua trong năm/kỳ			
Tặng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối năm/kỳ	<u>102,285,000</u>	<u>56,896,000</u>	<u>159,181,000</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		56,986,000	
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-102,285,000	-56,896,000	-159,181,000
Khấu hao trong năm/kỳ			
Tặng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối năm/kỳ	<u>-102,285,000</u>	<u>-56,896,000</u>	<u>-159,181,000</u>

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm/kỳ</u>	<u>vào TSCĐ trong năm/kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>
Mua sắm tài sản cố định				
Xây dựng cơ bản dở dang				
Sửa chữa lớn tài sản cố định				
Cộng				

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	7,007,747,981	1,878,223,250
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà		
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	1,951,033,891	1,878,223,250
Công ty TNHH Đầu tư Phát Triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn		
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)		
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	5,056,714,090	
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công ty TNHH Một Thành Viên Logistics Sơn Hà		
Phải trả các nhà cung cấp khác	13,888,456,210	18,635,875,079
Công ty TNHH Cơ khí Thương mại Đại Nam	1,829,538,940	2,337,802,557
Chi nhánh Công ty TNHH BOSCH Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh	2,721,600,000	2,075,958,720
Công ty Cổ phần Công Nghiệp và Thương Mại An Thành Phát	1,643,037,000	
NANNING GAOLI INDUSTRIAL AND TRADING CO., LTD	844,363,877	
SHANDONG LONGGUANG TIANXU SOLAR ENERGY CO.,LTD	552,704,704	
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ	702,636,694	
Công ty TNHH Dương Tiến Phát	518,431,086	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Tập	1,446,863,751	5,596,313,751
Các nhà cung cấp khác	3,629,280,158	8,625,800,051
Cộng	20,896,204,191	20,514,098,329

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	884,594,057	1,365,800,000
Nguyễn Văn Quyết	-	654,120,000
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi Hà Tây	-	300,000,000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế HTK	249,500,000	249,500,000
Công ty cổ phần đầu tư thương mại và kỹ thuật Hòa Bình	325,963,637	-
Công ty cổ phần phát triển nhà Nghệ An	275,000,000	-
Ông Lương Minh Tuấn	-	12,888,000
Các khách hàng khác	34,130,420	149,292,000
Cộng	884,594,057	1,365,800,000

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		3,545,686,885	3,545,686,885	
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế xuất, nhập khẩu		845,549,990	845,549,990	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,756,458,706	4,669,856,678	1,824,712,940	4,601,602,444
Thuế thu nhập cá nhân	67,354,177	399,941,306	387,800,497	79,494,986
Thuế tài nguyên				
Thuế nhà đất				
Tiền thuê đất				
Thuế bảo vệ môi trường		2,200,000	2,200,000	
Các loại thuế khác		4,000,000	4,000,000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		77,115,094	77,115,094	
Cộng	1,823,812,883	9,544,349,953	6,687,065,406	4,681,097,430

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo quy định của NĐ 15 /2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10,823,821,426	8,715,912,424
<i>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</i>		
- Các khoản điều chỉnh tăng	22,045,180	66,381,115
- Các khoản điều chỉnh giảm	22,045,180	66,381,115
Thu nhập chịu thuế	10,845,866,606	8,782,293,539
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	10,845,866,606	8,782,293,539
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>2,169,173,320</i>	<i>1,756,458,708</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>2,169,173,320</i>	<i>1,756,458,706</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>		
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2,169,173,320	1,756,458,706

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	1,986,286,056	2,030,767,542
Tiền thưởng phải trả		
...		
Cộng	<u>1,986,286,056</u>	<u>2,030,767,542</u>

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	145,895,935	141,624,295
Cộng	<u>145,895,935</u>	<u>141,624,295</u>

20. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
...		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	553,581,817	607,014,094
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	
Kinh phí công đoàn	218,794,080	200,886,300
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	
Bảo hiểm thất nghiệp	-	
Phải trả về cổ phần hóa	-	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,000,000	5,000,000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn	-	
Tiền nhận từ các đơn vị ủy thác xuất, nhập khẩu	-	
...		
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	329,787,737	401,127,794
Cộng	<u>553,581,817</u>	<u>607,014,094</u>

21. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Phải trả về cổ phần hóa		
Nhận ký quỹ, ký cược	-	-
Các khoản phải trả dài hạn khác		
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vay và nợ thuê tài chính

15a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	46,154,021,520	46,154,021,520	89,146,769,971	89,146,769,971
Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV Thanh Xuân	39,524,021,520	39,524,021,520	49,988,451,419	49,988,451,419
Vay ngắn hạn Vietcombank CN SGD	-	-	39,158,318,552	39,158,318,552
<i>Vay ngắn hạn các ngân hàng khác</i>	6,630,000,000	6,630,000,000	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	740,000,000	740,000,000	2,572,000,000	2,572,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả BIDV Thanh Xuân	-	-	1,092,000,000	1,092,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả Vietinbank Nghệ An	740,000,000	740,000,000	1,480,000,000	1,480,000,000
Cộng	46,894,021,520	46,894,021,520	91,718,769,971	91,718,769,971

15b. Vay dài hạn

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	5,165,000,000	5,165,000,000	10,292,000,000	10,292,000,000
Vay dài hạn ngân hàng BIDV CN Thanh Xuân	-	-	4,387,000,000	4,387,000,000
Vay dài hạn ngân hàng Vietinbank Nghệ An	5,165,000,000	5,165,000,000	5,905,000,000	5,905,000,000
Cộng	5,165,000,000	5,165,000,000	10,292,000,000	10,292,000,000

Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Số cuối năm/kỳ
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	267,363,054	267,363,054
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	-
...	-	-
Cộng	267,363,054	267,363,054

24. Dự phòng phải trả dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm/kỳ</u>
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	930,032,464	930,032,464
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng		-
Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp ⁽ⁱ⁾		-
Dự phòng cho hợp đồng có rủi ro lớn ⁽ⁱⁱ⁾		-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	47,218,500	47,218,500
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ		-
...		-
Cộng	<u>977,250,964</u>	<u>977,250,964</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm/kỳ</u>	<u>Số cuối năm/kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1,160,888,569	196,106,376	(22,000,000)	1,334,994,945
Quỹ phúc lợi				-
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định				-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành				-
Cộng	<u>1,160,888,569</u>	<u>196,106,376</u>	<u>(22,000,000)</u>	<u>1,334,994,945</u>

26. Vốn chủ sở hữu**26a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ dự phòng bảo hành + khác</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ khen thưởng phúc lợi</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	79,879,480,000	1,244,614,018	3,350,096,346	1,046,878,719	18,629,627,975	101,859,204,321
Chi trả cổ tức bằng tiền					-168,000,000	-168,000,000
Thủ lao BKS, HĐQT					-460,135,674	-460,135,674
Trích lập các quỹ			306,757,116	153,378,558		-153,378,558
Chi từ quỹ khen thưởng				-39,368,708		
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	15,975,630,000				-15,975,630,000	
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền						
Lợi nhuận trong kỳ					19,610,637,603	19,610,637,603
...						
Số dư cuối năm trước	<u>95,855,110,000</u>	<u>1,244,614,018</u>	<u>3,656,853,462</u>	<u>1,160,888,569</u>	<u>21,636,499,904</u>	<u>121,148,463,366</u>
Số dư đầu năm nay	95,855,110,000	1,244,614,018	3,656,853,462	1,160,888,569	21,636,499,904	121,148,463,366
Thủ lao BKS, HĐQT					-156,000,000	-156,000,000
Trích lập các quỹ			392,212,752	196,106,376	-588,319,128	-196,106,376
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	19,170,050,000				-19,170,050,000	
Lợi nhuận trong kỳ					17,794,977,768	17,794,977,768
Chi từ quỹ khen thưởng				-22,000,000		
Số dư cuối năm nay/kỳ này	<u>115,025,160,000</u>	<u>1,244,614,018</u>	<u>4,049,066,214</u>	<u>1,334,994,945</u>	<u>19,517,108,544</u>	<u>138,591,334,758</u>

26b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Quốc Tế Sơn Hà	57,945,880,000	48,288,240,000
Hoàng Mạnh Tân	13,096,800,000	10,914,000,000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng		
TMCP Công Thương Việt Nam	11,232,000,000	9,360,000,000
Khác	32,750,480,000	27,292,870,000
Cộng	<u>115,025,160,000</u>	<u>95,855,110,000</u>

26c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11 502 516	9 585 511
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11 502 516	9 585 511
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11 502 516	9 585 511

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26d. Phân phối lợi nhuận

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	12,813,989,598	19,137,768,112
Doanh thu bán thành phẩm	36,626,167,369	61,908,449,199
Doanh thu cung cấp dịch vụ	106,830,130	116,015,100
Doanh thu khác		
Cộng	<u>49,546,987,097</u>	<u>81,162,232,411</u>

1b. Chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hóa (5111)	Năm nay	Năm trước
Hà (SHD)	46,664,600	143,085,800
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	12,062,183,768	14,857,524,256
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	21,267,590	1,619,471,840
Bắc Ninh	336,598,500	50,523,700
Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	8,037,500	
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	25,809,700	19,283,600
Trung	196,000	1,028,400
khách hàng khác	313,231,940	2,446,850,516
Tổng cộng	12,813,989,598	19,137,768,112

Doanh thu bán thành phẩm (5112)	Năm nay	Năm trước
Hà (SHD)	157,261,200	9,149,000
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	27,286,162,625	39,820,650,865
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	2,176,374,500	3,148,559,990
Bắc Ninh		
Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc		1,780,474,068
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	1,177,706,400	3,522,782,900
Trung	795,277,200	2,011,145,900
khách hàng khác	5,033,385,444	11,615,686,476
Tổng cộng	36,626,167,369	61,908,449,199

Doanh thu bán dịch vụ (5113)	Năm nay	Năm trước
Hà (SHD)		
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà		
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An		
Bắc Ninh	76,105,500	73,440,100
Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc		
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ		
Trung	80,000	75,000
khách hàng khác	30,644,630	42,500,000
Tổng cộng	106,830,130	116,015,100

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	9,259,259	308,333,333
Hàng bán bị trả lại	153,644,366	938,929,247
Giảm giá hàng bán		
Cộng	<u>162,903,625</u>	<u>1,247,262,580</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9,281,659,706	13,624,186,516
Giá vốn của thành phẩm đã bán	25,109,684,453	52,210,391,712
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	492,072,200	321,917,045
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán khác		
Cộng	<u>34,883,416,359</u>	<u>66,156,495,273</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	26,001,947	176,040,992
Lãi từ hoạt động cho vay	58,952,617	325,009,766
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	15,812,075	60,862,408
Khác		
Cộng	<u>100,766,639</u>	<u>561,913,166</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1,142,884,897	1,819,822,243
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	31,962,966	108,105,276
Chi phí tài chính khác	2,109,766	
Cộng	<u>1,176,957,629</u>	<u>1,927,927,519</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	584,754,773	494,159,983
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43,656,402	52,036,453
Chi phí bảo hành	273,261,291	288,775,637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	179,472,739	216,111,508
Các chi phí khác	118,366,475	1200317475
Cộng	<u>1,199,511,680</u>	<u>2,251,401,056</u>

7. Chi phí quản lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1,090,134,129	821,010,316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62,141,801	107,334,878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	317,609,067	638,017,446
Thuế, phí và lệ phí		
+ Chi phí đồ dùng văn phòng		
Chi phí dự phòng		
Các chi phí khác	<u>447 856 678</u>	<u>1,391,342,044</u>
Cộng	<u>1,917,741,675</u>	<u>2,957,704,684</u>

8. Thu nhập khác.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	516,690,689	1,532,742,202
Thu nhập khác		
Cộng	<u>516,690,689</u>	<u>1,532,742,202</u>

9. Chi phí khác.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác	92,031	184,243
Cộng	<u>92,031</u>	<u>184,243</u>

10. Lãi trên cổ phiếu.

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm		
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u></u>	<u></u>

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chia cổ tức		
Bảo hiểm xã hội nộp hộ		

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ (SHI)
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Công ty con của SHI

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

